

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-PT

Ngày: 04-4-2022

V/v “*Tranh chấp chia thừa kế; Yêu
cầu tuyên bố văn bản công chứng
vô hiệu; Yêu cầu tuyên bố hợp đồng
CNQSĐĐ vô hiệu; Tranh chấp Hợp
đồng CNQSĐĐ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên
tòa:** Bà Đỗ Thị Lụa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 3 năm 2021 và ngày 04 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp chia thừa kế; Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; Yêu cầu tuyên bố hợp đồng CNQSĐĐ vô hiệu; Tranh chấp Hợp đồng CNQSĐĐ*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 145/2021/QĐXXPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 5, ấp Thanh Hòa, xã Thanh L, thị xã B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Khu phố Xuân Lộc, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

***Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Anh L, sinh năm 1976 (vắng mặt), ông Ngô Đức Đ, sinh năm 1997. Cùng địa chỉ: Tầng 6, 241 Điện Biên P, phường 6, quận 3, thành phố H.

Ông Ngô Đức Đ ủy quyền lại cho ông Đinh Trần Minh Đ, sinh năm 1995, ông L Văn Th, sinh năm 1997. Cùng địa chỉ: Tầng 6, 241 Điện Biên P, phường 6, quận 3, thành phố H (có mặt).

Người bảo vệ, quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông L Ngọc L, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tầng 6, 241 Điện Biên P, phường 6, quận 3, Thành phố H (có mặt).

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Thái Thị Tr, sinh năm 1976. Địa chỉ: 236/3, phường 2, quận P, thành phố H (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tr: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Khu phố Xuân Lộc, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp Phú Hữu, xã C, huyện M, tỉnh B.

4. Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp Chợ, xã C, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phúc: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Khu phố Xuân Lộc, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có mặt).

5. Cháu Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2007 (vắng mặt).

6. Cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh năm 2015 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Đ và cháu Ch: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1973. Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Anh L, sinh năm 1976 (vắng mặt), ông Ngô Đức Đ, sinh năm 1997. Cùng địa chỉ: Tầng 6, 241 Điện Biên P, phường 6, quận 3, Thành phố H (Vắng mặt).

Ông Ngô Đức Đ ủy quyền lại cho ông Đinh Trần Minh Đ, sinh năm 1995, ông L Văn Th, sinh năm 1997. Cùng địa chỉ: Tầng 6, 241 Điện Biên P, phường 6, quận 3, thành phố H (có mặt).

7. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1980 (có mặt).

8. Bà Phạm Thị K, sinh năm 1981 (vắng mặt). Bà K ủy quyền lại cho ông Huỳnh Văn H.

Cùng địa chỉ: Ấp Thị, xã Hương Mỹ, huyện M, tỉnh B.

9. Bà Dương Thị D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ 3, ấp 8, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Ông Nguyễn Đắc K, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp 7, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt).

11. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953. Địa chỉ: Ấp Tân Đức A, xã Tân Bình, huyện MB, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

12. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp Phú Hữu, xã C, huyện M, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

13. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp Phú Hữu, xã C, huyện M, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

14. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962. Địa chỉ: Khu phố 1, phường 4, thành phố B, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

15. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp Tân Phong, xã Thành Thới A, huyện M, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

16. Văn phòng Công chứng H. Địa chỉ: Đường Quốc lộ 13, khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Trưởng Văn phòng Công chứng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

17. Văn phòng Công chứng H. Địa chỉ: Đường Quốc lộ 13, khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh T - Trưởng Văn phòng Công chứng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

18. Bà Thái Thị Út L, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

19. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ 17, ấp Bình Đông, xã Hương Mỹ, huyện M, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

20. Bà Trương Thị Bé T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp Chợ, xã M, huyện G, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người làm chứng:** Ông Trần Quang Khinh, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước (có mặt).

*** Người kháng cáo:** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc T; Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H đồng thời cũng là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thành Đ và cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) do ông Nguyễn Ngọc T là người đại diện ủy quyền trình bày:

Cụ Nguyễn Văn H, sinh năm 1926 (Là liệt sỹ hy sinh ngày 02/02/1967) với cụ Đỗ Thị L, sinh năm 1926 (Chết năm 2019) là vợ chồng cùng trú tại: Xã C, huyện M (Nay là huyện M), tỉnh B. Cụ H và cụ L có 06 người con, gồm: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953; Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955; Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1958; Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962; Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1967.

Năm 1975 đến năm 1976, ông Nguyễn Văn T đi bộ đội đóng quân tại ấp A, xã Đ, huyện M (nay là huyện M) có chung sống như vợ chồng với bà Thái Thị Út L, sinh năm 1959, nhưng không có đăng ký kết hôn, có chung với nhau 01 con tên là Thái Thị Tr, sinh năm 1976. Sau khi sinh con H bên mâu thuẫn với nhau nên ông T và bà L không sống chung với nhau nữa, con do bà L nuôi dưỡng.

Năm 1978 đến năm 1987, ông Nguyễn Văn T sống chung như vợ chồng với bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958, có tổ chức đám cưới tại Ty Công An tỉnh B (nay là Sở công an tỉnh B) nhưng không đăng ký kết hôn, sống với nhau tại: Xã C, huyện M (nay là huyện M), tỉnh B. Có chung 02 con, gồm: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980 và Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1982. Năm 1987 bà Thủy phát hiện ông T có quan hệ với người phụ nữ khác là bà Trương Thị Bé T nên giữa bà Thủy và ông T sống ly thân. Đến năm 1995 được Tòa án nhân dân huyện

M (nay là huyện M), tỉnh B giải quyết cho ly hôn, 02 con Tòa án giao cho ông Tnuôi dưỡng.

Năm 1987 đến năm 1996, ông Nguyễn Văn T sống chung như vợ chồng với bà Trương Thị Bé T, sinh năm 1969 (không đăng ký kết hôn), sống với nhau tại: Ấp Chợ, xã M, huyện G, tỉnh B. Có chung 02 con, gồm: Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1992. Năm 1996 do mâu thuẫn nên H bên không sống chung với nhau nữa, 02 con do bà Tám nuôi dưỡng. Trong Giấy khai sinh của bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh ngày 20/02/1990 do UBND xã M, huyện G, tỉnh B cấp ngày 07/9/1996 và Giấy khai sinh của bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh ngày 15/10/1992 do UBND xã M, huyện G, tỉnh B cấp ngày 07/9/1996, thể hiện tại mục: Người cha: Nguyễn Thành T, sinh năm 1954, xã C, huyện M, tỉnh B là do: Bà Tám đi khai sinh không chính xác, thực chất ông Nguyễn Thành T và ông Nguyễn Văn T là một người.

Tháng 9 năm 2002, ông Nguyễn Văn T đi di dân đến tỉnh Bình Phước. Năm 2005, ông Nguyễn Văn T lấy bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1973, có đăng ký kết hôn, sống với nhau tại xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước. Có chung 02 con, gồm: Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2007 và Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh năm 2015.

Trước đó vào năm 2002 ông T làm hồ sơ di dân từ tỉnh B đến tỉnh Bình Phước để được cấp đất tại tỉnh Bình Phước, được cơ quan có thẩm quyền tỉnh B chấp nhận. Trong năm 2002 ông T được giao đất, diện T đất 14.928,6m² tại dự án, nhưng chưa có Quyết định giao đất và chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Đến ngày 23/3/2012 Chi Cục Phát triển nông thôn tỉnh B có lập Danh sách hộ dân Bến Tre được cấp đất tại dự án Nông trường 425, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, trong đó có tên hộ ông Nguyễn Văn T, được cấp đất.

Ngày 13/7/2010 ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H có ký Hợp đồng chuyển nhượng (giấy tay) không có công chứng, chứng thực cho ông Nguyễn Đắc K, diện tích 1000m² (Ngang 20m x dài 50m) đất nông nghiệp. Nhưng do đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ nên H bên chưa làm thủ tục tách thửa (sau khi bà H được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, ngày 05/6/2018 bà H đã ký Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ cho bà Dương Thị D (bà D được ông Nguyễn Đắc K nhờ đứng tên giùm) diện tích 1000,6m². Ngày 18/12/2018 bà D được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số PC 389918 (do ông Nguyễn Văn T có ký vào giấy tay nên nguyên đơn, cũng như các đương sự khác không tranh chấp về diện tích đất này).

Ngày 14/7/2010 ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H có ký “Hợp đồng mua bán đất” (giấy tay) cho vợ chồng ông Nguyễn Kim Bảo Lân, bà Nguyễn Thị Kiều D, diện tích 500m², (Trong đó có 300m² thổ cư). Hợp đồng chuyển nhượng không có công chứng, chứng thực, hiện nay vẫn chưa hoàn tất thủ tục tách thửa (do ông Nguyễn Văn T có ký vào giấy mua bán nên nguyên đơn, cũng như các đương sự khác không tranh chấp về diện tích đất này).

Năm 2016 ông T và bà H kê khai xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Ngày 21/10/2016 UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CE 241164 cho ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H diện tích đất 14.928,6m², thửa số 103, tờ bản đồ số 00 tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Ngày 01/11/2016 ông Nguyễn Văn T chết, không để lại di chúc. Ngày 05/01/2018 bà H và các con là Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Ngọc Ch đến Văn phòng Công chứng H nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T đối với diện tích đất nêu trên. Ngày 29/01/2018, bà Huỳnh Thị Ngọc H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CK 416945.

Ngày 23/10/2017 bà H có ký giấy là “Bản cam kết” bán đất cho bà Phạm Thị K (là em dâu của bà H) diện tích 3.000m² đất nông nghiệp với giá 135.000.000 đồng. Nhưng giấy tờ mua bán “Bản cam kết” lúc này ông T đã chết nên chỉ một mình bà H ký bán, tại thời điểm bà H chuyển nhượng cho bà K thì giữa bà H và bà K không nêu cụ thể tứ cận của phần diện tích đất chuyển nhượng và trên đất gồm có tài sản gì. Bà H chưa giao đất, chưa làm thủ tục tách thửa cho bà K. Do chồng bà K là anh Hiếu (ông H là em ruột của bà H) nên việc chuyển nhượng này là giả tạo.

Ngày 27/8/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) là con của bà Trương Thị Bé T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T là 1/2 diện tích thửa đất và cây trồng trên đất đối với diện tích đất còn lại là 13.428m² tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước.

2. Yêu cầu tuyên bố Văn bản nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T được lập ngày 05/01/2018 do Văn phòng Công chứng H công chứng số 0094, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD của bà Huỳnh Thị Ngọc H và các con là Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Ngọc Ch nhận đối với diện tích đất 14928,6m² bị vô hiệu.

3. Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ “Bản cam kết” ngày 23/10/2017 do bà Huỳnh Thị Ngọc H có ký bán diện tích đất 3.000m², tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước cho bà Phạm Thị K bị vô hiệu.

4. Đề nghị Tòa án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ số CK 416945, ngày 29/01/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Huỳnh Thị Ngọc H.

5. Rút yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 1000,6m² đất ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H đã bán cho ông Nguyễn Đắc K.

6. Rút yêu cầu (Không yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 500m² đất) mà ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H đã bán cho ông Nguyễn Kim Bảo Lân, bà Nguyễn Thị Kiều D.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H do bà Võ Thị Anh L, ông Ngô Đức Đ là người đại diện ủy quyền trình bày:

Cụ Nguyễn Văn H, sinh năm 1926 (Là Liệt sỹ hy sinh ngày 02/02/1967) với cụ Đỗ Thị L, sinh năm 1926 (chết năm 2019) là vợ chồng cùng trú tại xã C, huyện M (Nay là huyện M), tỉnh B. Cụ H và cụ L có 06 người con, gồm: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953; Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955; Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1958; Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962; Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1967.

Tháng 9 năm 2002 ông Nguyễn Văn T đi di dân từ tỉnh B đến tỉnh Bình Phước để lập nghiệp, sống chung như vợ chồng với bà Huỳnh Thị Ngọc H. Đến năm 2005 ông T và bà H mới đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Tân H,

huyện Bình Long (Nay là huyện H), tỉnh Bình Phước. Có chung 02 con, gồm: Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2007 và Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh năm 2015. Năm 2002 được Nhà nước tạm giao ở thực địa diện tích đất 14.928,6m². Ngày 23/3/2012 Chi Cục Phát triển nông thôn tỉnh B có lập danh sách hộ ông T dân Bến Tre được cấp đất tại dự án Nông trường 425, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, trong đó có tên hộ ông Nguyễn Văn T.

Đến năm 2016 ông T và bà H kê Ki xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Ngày 21/10/2016 UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CE 241164 cho ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H diện tích đất 14.928,6m², thửa số 103, tờ bản đồ số 00 tọa lạc tại: Ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tại thời điểm này trong hộ khẩu của gia đình ông T gồm: Ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H và 02 con là Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2007 và Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh năm 2015. Do đó diện tích đất được Nhà nước cấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T, bà H và 02 con.

Trước đó, vào ngày 13/7/2010 do ông T bị bệnh nên ông T và bà H có ký Hợp đồng chuyển nhượng (Giấy tay) không có công chứng, chứng thực cho ông Nguyễn Đắc K, diện tích 1.000m² (Ngang 20m x dài 50m), trong đó không có đất thổ cư. Tại thời điểm đó đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ nên giữa H bên chưa làm thủ tục tách thửa. Sau khi bà H được đứng tên trên Giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên, vào ngày 05/6/2018 bà H đã đến Văn phòng công chứng ký Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ cho bà Dương Thị D (Bà D được ông Nguyễn Đắc K nhờ đứng tên giùm) diện tích 1000,6m². Ngày 18/12/2018 bà D được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số PC 389918. Riêng ông Nguyễn Kim Bảo Lân và bà Nguyễn Thị Kiều D thì chưa làm thủ tục sang tên vì tại thời điểm này bà H được biết bà Diễm đã chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn H nên H bên chưa làm thủ tục sang nhượng, bà H cũng không có tranh chấp gì.

Ngày 14/7/2010, ông T và bà H có ký “Hợp đồng mua bán đất” (Giấy tay) cho vợ chồng ông Nguyễn Kim Bảo Lân, bà Nguyễn Thị Kiều D, diện tích 500m² (10m rộng x 50m dài). Trong đó có 300m² thổ cư, Hợp đồng chuyển nhượng không có công chứng, chứng thực, giá 50.000.000 đồng do đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ nên bà H, ông T chưa làm thủ tục tách thửa cho ông Lân, bà Diễm. Sau đó vào ngày 16/01/2018 bà Diễm bán lại diện tích nêu trên cho anh Huỳnh Văn H. Hiện nay ông H vẫn chưa hoàn tất thủ tục tách thửa, nhưng bà H cũng không có tranh chấp gì.

Ngày 01/11/2016, ông Nguyễn Văn T chết, không để lại di chúc. Nên ngày 05/01/2018 bà H và các con là Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Ngọc Ch đến Văn phòng Công chứng H Ki nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T đối với diện tích đất nêu trên. Ngày 29/01/2018, bà Huỳnh Thị Ngọc H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CK 416945.

Ngày 28/8/2011 bà H và ông T có ký giấy tay bán cho bà Phạm Thị K là em dâu của bà H, diện tích 3.000m² đất nông nghiệp giá 135.000.000 đồng, giấy mua bán có cả ông T và bà H ký, việc sang nhượng có các ông L Văn Nhuận, ông Trần Quang Khinh chứng kiến, giấy mua bán này do bên bà K giữ và H bên chưa đến cơ quan có thẩm quyền để công chứng, chứng thực. Nhưng sau đó giấy

tờ mua bán này bị mất trộm. Sau khi ông T chết, bà K có yêu cầu bà H ký giấy cam kết, nên ngày 23/10/2017 bà H có ký lại giấy “Bản cam kết” bán đất cho bà K. H bên đã nhận tiền, giao nhận đất nhưng hiện nay chưa làm thủ tục tách thửa. Nay bà H đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của bà K để bà H hoàn tất thủ tục tách thửa cho bà K.

Đối với diện tích đất 1000,6m² do ông T, bà H đã bán cho ông K và bà H cũng đã làm thủ tục tách sổ cho bà D (Ông K nhờ bà D đứng tên giùm) nên bà H không có tranh chấp.

Đối với diện tích 500m² đất ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H đã bán cho vợ chồng ông Nguyễn Kim Bảo L, bà Nguyễn Thị Kiều D, tuy diện tích đất này chưa làm thủ tục tách thửa cho ông Lân, bà D nhưng bà H không có tranh chấp gì đối với diện tích đất này.

Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bác yêu cầu độc lập chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Hồng P, bà Thái Thị Tr;

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị K về việc buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ được ký (Bằng giấy tay) giữa bà K với ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H, công nhận diện tích đất 3.000m² đã nhận chuyển nhượng của ông T và bà H thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà K. Trong trường hợp Văn bản khai nhận di sản thừa kế và hợp đồng nêu trên bị vô hiệu thì bà H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của 02 giao dịch vô hiệu nêu trên, nếu có sau này bà H sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Tr có yêu cầu độc lập do ông Nguyễn Ngọc T là người đại diện ủy quyền trình bày:

Cha ruột của bà Tr là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955, sinh quán tại xã C, huyện M (Nay là huyện M), tỉnh B. Năm 1975, ông Nguyễn Văn T sống chung như vợ chồng với mẹ bà Tr là bà Thái Thị Út L, sinh năm 1959 nhưng không đăng ký kết hôn. Sống với nhau tại ấp A, xã Đ, huyện M (Nay là huyện M), năm 1976 sinh ra bà Thái Thị Tr. Tại thời điểm sống chung do ông T là bộ đội, cha của bà L là ngụy quân nên giữa ông T và bà L không có đăng ký kết hôn dẫn đến việc bà Tr không được đăng ký giấy khai sinh (không có giấy khai sinh).

Ngày 01/11/2016, cha bà Tr là ông Nguyễn Văn T chết, không để lại di chúc. Nay em gái cùng cha khác mẹ của bà Tr là bà Nguyễn Thị Tuyết H (Sinh năm 1990) là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha bà Tr là ông Nguyễn Văn T. Do đó ngày 19/09/2019 bà Tr có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án chia cho bà Tr một phần thừa kế theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng P có yêu cầu độc lập do ông Nguyễn Ngọc T là người đại diện ủy quyền trình bày:

Cha ruột của bà Phúc là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955, sinh quán tại xã C, huyện M (Nay là huyện M), tỉnh B. Năm 1987, ông Nguyễn Văn T sống chung như vợ chồng với mẹ bà Phúc là bà Trương Thị Bé T, sinh năm 1969 nhưng không đăng ký kết hôn. Sống với nhau tại ấp Chợ, xã M, huyện G, tỉnh B. Năm 1990 sinh ra bà Nguyễn Thị Tuyết H, năm 1992 sinh bà Nguyễn Thị Hồng

P. Trong Giấy khai sinh của bà Nguyễn Thị Tuyết H có ghi chú bà H, sinh ngày 20/02/1990 do UBND xã M, huyện G, tỉnh B cấp ngày 07/9/1996 và Giấy khai sinh của bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh ngày 15/10/1992 do UBND xã M, huyện G, tỉnh B cấp ngày 01/9/1996, thể hiện tại mục: Người cha: Nguyễn Thành T, sinh năm 1954, xã C, huyện M, tỉnh B là do bà T đi làm thủ tục khai sinh cho bà H, bà Phúc có sự nhầm lẫn, nhưng thực tế ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1954 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 là một người.

Ngày 01/11/2016 cha bà P là ông Nguyễn Văn T chết, không để lại di chúc. Nay chị gái của bà P là bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha bà P là ông Nguyễn Văn T. Do đó ngày 19/09/2019 bà P có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án chia cho bà P một phần thừa kế theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phạm Thị K trình bày:

Bà Phạm Thị K là vợ của ông Huỳnh Văn H (ông H là em ruột của bà Huỳnh Thị Ngọc H). Ngày 28/8/2011, bà H và ông T có ký giấy tay bán cho bà Phạm Thị K diện tích 3.000m² đất nông nghiệp, giá 135.000.000 đồng, giấy mua bán có cả ông T và bà H ký, việc mua bán trên có các ông L Văn Nhuận, ông Trần Quang K chứng kiến, giấy mua bán này do bên bà K giữ. Nhưng do đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ nên hai bên chưa đến cơ quan có thẩm quyền để công chứng, chứng thực. Sau đó giấy tờ mua bán này bị mất trộm. Sau khi ông T chết, bà K có yêu cầu bà H ký giấy cam kết, nên ngày 23/10/2017 bà H có ký lại giấy “Bản cam kết” bán đất cho bà K. H bên đã nhận tiền, giao nhận đất nhưng hiện nay chưa làm thủ tục tách thửa.

Nay bà K có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc bà H phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và công nhận diện tích đất 3.000m² nêu trên thuộc QSDĐ hợp pháp của bà K.

Ngày 19/10/2020, bà Phạm Thị K có đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu độc lập, cụ thể: Do trên diện tích 3.000m² đất bà K nhận chuyển nhượng của ông T và bà H có 01 căn nhà tình nghĩa diện tích khoảng 100m², hiện nay mẹ con bà H đang sinh sống nên bà K chỉ yêu cầu buộc bà H phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và công nhận diện tích đất 2.900m² nêu trên thuộc QSDĐ hợp pháp cho bà K (trừ diện tích 100m² đất có nhà).

Trong trường hợp Hợp đồng nêu trên bị vô hiệu thì bà K chưa yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, nếu có sau này bà K sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Đắc K trình bày:

Ngày 13/7/2010 ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H có ký hợp đồng chuyển nhượng (Giấy tay) không có công chứng, chứng thực chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đắc K, diện tích 1.000m² (Ngang 20m x dài 50m) đất nông nghiệp. Nhưng do đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ nên H bên chưa làm thủ tục tách thửa và H bên đã hoàn tất việc giao tiền, giao đất.

Ngày 26/05/2020 ông K có làm đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ (Giấy tay) ngày 13/7/2010 giữa ông

Nguyễn Đắc K và ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H có hiệu lực pháp luật.

Trước đây ông K có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất 1000,6m² nêu trên thuộc QSDĐ hợp pháp của ông K. Nhưng do hợp đồng chuyển nhượng được công chứng, ông K đã được tách thửa và cấp giấy chứng nhận QSDĐ, không ai có tranh chấp, yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất nêu trên nên ông K đã rút yêu cầu độc lập này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Huỳnh Văn H trình bày:

Ông Huỳnh Văn H và bà Phạm Thị K là vợ chồng (ông H là em ruột của bà Huỳnh Thị Ngọc H). Ngày 14/7/2010, ông T và bà H có ký “Hợp đồng mua bán đất” (Giấy tay, không có công chứng, chứng thực) cho vợ chồng ông Nguyễn Kim Bảo Lâm, bà Nguyễn Thị Kiều D, diện tích 500m² (10m rộng x 50m dài), trong đó có 300m² thổ cư, bà H, ông T chưa làm thủ tục tách thửa sang tên cho ông Lâm, bà Diễm. Ngày 16/01/2018, bà Diễm đã chuyển nhượng lại phần diện tích đất trên cho ông H H bên cũng làm hợp đồng mua bán đất (Giấy viết tay, không có công chứng, chứng thực). Hiện nay, thửa đất trên ông H cũng chưa làm thủ tục tách thửa. Ngày 22/05/2020 ông H có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc bà H thực hiện nghĩa vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công nhận diện tích đất nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp cho ông. Sau khi nguyên đơn rút lại yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích này thì ngày 11/08/2020 ông H cũng có đơn rút yêu cầu độc lập nêu trên.

Riêng đối với diện tích đất 3.000m² mà ông Tích, bà H chuyển nhượng cho bà K (Vợ ông H) vào ngày 28/8/2011 là tài sản riêng của bà K nên ông H không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Năm 1978, mẹ ông T là bà Nguyễn Thị B và cha là ông Nguyễn Văn T chung sống như vợ chồng, có tổ chức đám cưới tại Ty Công An tỉnh B (Nay là Sở công an tỉnh B) nhưng không đăng ký kết hôn, sống với nhau tại xã C, huyện M (Nay là huyện M), tỉnh B. Sinh ra ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1982).

Nay bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990, là em cùng cha khác mẹ) với ông T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế anh T đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản của ông T cho ông T theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết H (Sinh năm 1982) trình bày:

Năm 1978, mẹ bà H (sinh năm 1982) là bà Nguyễn Thị B và cha là ông Nguyễn Văn T chung sống như vợ chồng, có tổ chức đám cưới tại Ty Công An tỉnh B (Nay là Sở công an tỉnh B) nhưng không đăng ký kết hôn, sống với nhau tại xã C, huyện M (Nay là huyện M), tỉnh B. Sinh ra ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1982). Năm 1987 bà Thủy phát hiện ông T có quan hệ với người phụ nữ khác là bà Trương Thị Bé T nên đến năm 1989 giữa ông T, bà Th sống ly thân. Đến năm 1995 bà Thủy làm đơn ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện M (Nay là huyện M), tỉnh B giải quyết cho ly hôn (Bản án số

39/DS-ST ngày 26/04/1995) đã giao ông T và bà H cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng.

Riêng đối với diện tích 14.928,6m², tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước có nguồn gốc ông T là thương binh, tại thời điểm năm 2002 trong hộ khẩu của ông Nguyễn Văn T tại xã C, huyện M (Nay là huyện M), tỉnh B chỉ có ông T với bà H (sinh năm 1982). Nên khi kê khai ông T đã kê khai bà H vào trong thủ tục xin cấp đất tại tỉnh Bình Phước và được Nhà nước giao đất cho sử dụng từ năm 2002. Đến năm 2005 thì ông T mới kết hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc H. Do bà H không trực tiếp sử dụng nên diện tích đất này thực tế là Nhà nước cấp cho ông Nguyễn Văn T là thương binh. Nên bà H đề nghị Tòa án tính công sức đóng góp cho bà Huỳnh Thị Ngọc H, số diện tích đất còn lại là di sản thừa kế của ông T nên đề nghị Tòa án sau khi tính công sức đóng góp cho bà H, phần còn lại thì chia đều cho các đồng thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Thị Ngọc Ch do bà Huỳnh Thị Ngọc H (mẹ ruột) là người đại diện theo pháp luật và bà Võ Thị Anh L, ông Ngô Đức Đ là người đại diện ủy quyền trình bày:

Năm 2005 ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H và sinh ra cháu Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2007, cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh năm 2015.

Ngày 21/10/2016 UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CE 241164 cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H diện tích đất 14.928,6m², thửa số 103, tờ bản đồ số 00 tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tại thời điểm này trong hộ khẩu của gia đình ông T gồm: Ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H và 02 con là Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2007, Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh năm 2015. Nên quyền sử dụng đất nêu trên là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông Tích, bà H, cháu Đ và cháu Ch.

Ngày 01/11/2016 ông Nguyễn Văn T chết, không để lại di chúc. Nay cháu Đ, cháu Ch đề nghị Tòa án chỉ xác định di sản thừa kế của ông T để lại chỉ 1/4 diện tích đất nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị U cùng thống nhất trình bày:

Cha mẹ của bà L, ông Ch, bà Đ, bà L, bà U là cụ Nguyễn Văn H, sinh năm 1926 (Là Liệt sỹ hy sinh ngày 02/02/1967) và cụ Đỗ Thị L, sinh năm 1926 (Chết năm 2019) là vợ chồng cùng trú tại xã C, huyện M (Nay là huyện M), tỉnh B. Cụ H và cụ L có 06 người con, gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị U.

Năm 2002 ông Nguyễn Văn T được Nhà nước cấp cho diện tích 14.928,6m², thửa đất tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước. Đến năm 2016 thì ông T chết và không để lại di chúc. Năm 2019 thì mẹ là cụ Đỗ Thị L mất. Trước khi mất thì bà L không để lại di chúc gì.

Hiện nay, cháu Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) đang khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện H yêu cầu chia di sản thừa kế do ông T để lại. Chúng tôi đề nghị Tòa án chia cho mẹ chúng tôi là cụ L 01 phần thừa kế theo đúng quy

định pháp luật và giao phần tài sản này cho chị, em chúng tôi được quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị D trình bày:

Ngày 13/7/2010, ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H có ký Hợp đồng chuyển nhượng (Giấy tay) không có công chứng, chứng thực chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức K, diện tích 1.000m² (Ngang 20m x dài 50m) đất nông nghiệp. Nhưng do đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ nên H bên chưa làm thủ tục tách thửa và H bên đã hoàn tất việc giao tiền, giao đất.

Ngày 05/6/2018 ông Nguyễn Đức K (Là cậu ruột của bà D) nhờ bà D đứng ra làm thủ tục chuyển nhượng với bà Huỳnh Thị Ngọc H và được Văn phòng Công chứng H công chứng bằng hợp đồng số 001044. Ngày 18/12/2018 thì được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận số CP 389918.

Do hiện nay diện tích đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phía nguyên đơn và các đương sự khác không có yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích này, nên bà D cũng không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng H trình bày:

Văn phòng Công chứng H có công chứng Văn bản khai nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T được lập ngày 05/01/2018, công chứng số 0094, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD do bà Huỳnh Thị Ngọc H và các con là Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Ngọc Ch khai nhận đối với diện tích đất 14928,6m², tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước. Các thủ tục trước khi công chứng việc khai nhận di sản thừa kế nêu trên đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế nêu trên vô hiệu là không có căn cứ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng H trình bày:

Văn phòng Công chứng H có công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 001044, quyền số 01/2018/TP/CC-SCC-HĐGD ngày 05/06/2018 giữa bà Huỳnh Thị Ngọc H và bà Dương Thị D với diện tích 1000,6m² tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước. Các thủ tục trước khi công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Sau đó bên nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay nguyên đơn và các đương sự khác trong vụ án không có yêu cầu gì đối với phần diện tích đất đã chuyển nhượng này nên Văn phòng Công chứng đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Út L trình bày:

Năm 1975, bà Thái Thị Út L và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng (Không đăng ký kết hôn) tại ấp A, xã Đ, huyện M (Nay là huyện M) và có chung với nhau 01 con tên là Thái Thị Tr, sinh năm 1976. Sau khi sinh con, giữa bà L và ông T thường xuyên mâu thuẫn với nhau nên ông T và bà L không sống chung với nhau nữa, con do bà L nuôi dưỡng. Hiện nay bà L và ông T được Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng.

Nay bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990, là con của bà Trương Thị Bé T và ông Nguyễn Văn T) khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T để lại thì bà L không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:

Năm 1978, bà Thủy và ông Nguyễn Văn T sống chung như vợ chồng (Không đăng ký kết hôn) tại xã C, huyện M (Nay là huyện M), tỉnh B. Bà Thủy và ông T có tổ chức đám cưới tại Ty Công An tỉnh B (Nay là Sở công an tỉnh B), có chung 02 con, gồm: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980 và Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1982. Sau đó đã được TAND huyện M (Nay là huyện M) giải quyết cho ly hôn, Tòa án giao 02 con cho ông T nuôi dưỡng.

Nay bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990, là con của bà Trương Thị Bé T và ông Nguyễn Văn T) khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T để lại bà Thủy không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Bé T trình bày:

Năm 1987, bà T và ông Nguyễn Văn T sống chung như vợ chồng (Không đăng ký kết hôn) tại ấp Chợ, xã M, huyện G, tỉnh B. Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 con, gồm: Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1992.

Nay bà Nguyễn Thị Tuyết H (Sinh năm 1990, là con của bà Tám và ông Nguyễn Văn T) khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T để lại bà Tám không có yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước quyết định:

- Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) đối với chia thừa kế diện tích 1000,6m² đất, tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước do ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đắc K. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu nêu trên. Bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) về yêu cầu chia thừa kế diện tích 500m² đất do ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Kim Bảo L, bà Nguyễn Thị Kiều D. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu nêu trên. Bà Nguyễn Thị Tuyết H (Sinh năm 1990) có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K rút một phần yêu cầu độc lập đối diện tích 100m² trên đất có căn nhà tình thương của ông Nguyễn Văn T (Trong diện tích đất 3.000m² mà bà K cho rằng nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H). Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu độc lập đã rút nêu trên. Bà Phạm Thị K có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K về việc buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và không chấp nhận yêu cầu độc lập bà Phạm

Thị K về đề nghị công nhận diện tích đất 2.900m², tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Phạm Thị K.

- Chấp nhận việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đắc K rút toàn bộ yêu cầu độc lập về đề nghị công nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ (Giấy tay) ngày 13/7/2010 giữa ông Nguyễn Đắc K và ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H với diện tích đất 1000,6m², tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập đã rút nêu trên. Ông Nguyễn Đắc K có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H rút toàn bộ yêu cầu độc lập về đề nghị Tòa án buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công nhận diện tích đất 500m² (Do ông H nhận chuyển nhượng lại của bà Nguyễn Thị Kiều D) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông H. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập đã rút nêu trên. Ông Huỳnh Văn H có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) về chia di sản thừa kế; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H (Sinh năm 1990) về yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) về yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

+ Tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 0094, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/01/2018 của Văn phòng Công chứng H công chứng, do bà Huỳnh Thị Ngọc H khai nhận đối với di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T vô hiệu.

+ Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ (“Bản cam kết” ngày 23/10/2017) do bà Huỳnh Thị Ngọc H đã ký với bà Phạm Thị K để chuyển nhượng diện tích đất 3.000m², tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước vô hiệu.

+ Hậu quả của 02 giao dịch trên vô hiệu do các đương sự chưa có yêu cầu giải quyết nên không xem xét, khi nào đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

* Bà Huỳnh Thị Ngọc H được quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 5501,7m² tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước và tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà cấp 04, 01 giếng, cây (151 cao su, 01 dừa, 89 mít). Tổng giá trị tài của bà Huỳnh Thị Ngọc H là 6.703.092.000 đồng.

* Di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T là: 7926,7m², tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước và tài sản trên đất gồm: 261 cây cao su, 123 cây mít. Tổng giá trị di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T là: 6.632.184.000 đồng.

- Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T như sau:

1. Chia cho bà Thái Thị Tr diện tích đất: 881,4m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 1 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía

đông giáp với thửa đất có số giả định 2, phía tây giáp với đất bà Bùi Thị Bơ, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (Nay là đường bê tông), trên đất có 31 cây cao su, 11 cây mít. Có tổng trị giá là: 736.066.000 đồng.

2. Chia cho bà Nguyễn Thị Tuyết H (Sinh năm 1990) diện tích đất: 880,3m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 2 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 3, phía tây giáp với thửa đất có số giả định 1, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (Nay là đường bê tông), trên đất có 31 cây cao su, 12 cây mít. Có tổng trị giá là: 735.736.000 đồng.

3. Chia cho cháu Nguyễn Thành Đ diện tích đất: 880,5m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 3 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 4, phía tây giáp với thửa đất có số giả định 2, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (Nay là đường bê tông), trên đất có 25 cây cao su, 15 cây mít. Có tổng trị giá là: 737.323.000 đồng.

4. Chia cho cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch diện tích đất: 880,7m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại: Ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 4 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 5, phía tây giáp với thửa đất có số giả định 3, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (nay là đường bê tông), trên đất có 30 cây cao su, 15 cây mít. Có tổng trị giá là: 737.232.000 đồng.

Do cháu Đ, cháu Ch là trẻ em nên tạm thời giao 02 kỷ phần thừa kế nêu trên của cháu Đ, cháu Ch cho bà Huỳnh Thị Ngọc H (Là mẹ ruột) quản lý và sử dụng cho đến khi cháu Đ, cháu Ch đủ 18 tuổi.

5. Chia cho bà Huỳnh Thị Ngọc H diện tích đất: 881,0m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 5 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 6, phía tây giáp với thửa đất có số giả định 4, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (Nay là đường bê tông), trên đất có 31 cây cao su, 13 cây mít. Có tổng trị giá là: 736.066.000 đồng.

6. Chia cho bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1982) diện tích đất: 881,2m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại: Ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 6 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 7, phía tây giáp với thửa đất có số giả định 5, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (nay là đường bê tông), trên đất có 28 cây cao su, 15 cây mít. Có tổng trị giá là: 737.650.000 đồng.

7. Chia cho ông Nguyễn Văn Th diện tích đất: 881,4m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 7 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ

cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 8, phía tây giáp với thửa đất có số giả định 6, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (Nay là đường bê tông), trên đất có 28 cây cao su, 14 cây mít. Có tổng trị giá là: 737.012.000 đồng.

8. Chia cho bà Nguyễn Thị Hồng P diện tích đất: 880,7m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 8 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 9, phía tây giáp với thửa đất có số giả định 7, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (Nay là đường bê tông), trên đất có 30 cây cao su, 15 cây mít. Có tổng trị giá là: 736.066.000 đồng.

9. Chia cho cụ Đỗ Thị L diện tích đất: 879,5m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 9 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 10, phía tây giáp với thửa đất có số giả định 8, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (Nay là đường bê tông), trên đất có 30 cây cao su, 14 cây mít. Có tổng trị giá là: 737.232.000 đồng. Giao cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị U quản lý và sử dụng kỹ phần thừa kế nêu trên của cụ L.

- Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H phải giao: Thửa đất có số giả định là 1 cho bà Thái Thị Tr; Thửa đất có số giả định là 2 cho bà Nguyễn Thị Tuyết H (1990); Thửa đất có số giả định là 6 cho bà Nguyễn Thị Tuyết H (1982); Thửa đất có số giả định là 7 cho ông Nguyễn Văn Th; Thửa đất có số giả định là 08 cho bà Nguyễn Thị Hồng P; Thửa đất có số giả định 9 cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị U (theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T ngày 20/7/2020 của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ Tấn Thành (Như phần di sản mà các đồng thừa kế được chia nêu trên)

- Bà Huỳnh Thị Ngọc H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị K số tiền 1.111.000 đồng (Một triệu một trăm mười một nghìn đồng).

- Do bà Huỳnh Thị Ngọc H là người quản lý, sử dụng 02 kỹ phần thừa kế của cháu Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Ngọc Ch nên bà H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị K số tiền 2.222.000 đồng (H triệu H trăm H mươi H nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H (Sinh năm 1990) có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị K số tiền 1.111.000 đồng (Một triệu một trăm mười một nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H (Sinh năm 1982) có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị K số tiền 1.111.000 đồng (Một triệu một trăm mười một nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Hồng P có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị K số tiền 1.111.000 đồng (Một triệu, một trăm mười một nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị K số tiền 1.111.000 đồng (Một triệu một trăm mười một nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị U có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị K số tiền 1.111.000 đồng (Một triệu một trăm mười một nghìn đồng).

- Bà Thái Thị Tr có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị K số tiền 1.111.000 đồng (Một triệu một trăm mười một nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 15/4/2021 bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H đồng thời cũng là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thành Đ và cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử, sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị K.

Ngày 15/4/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị K, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/8/2011 giữa bà K với ông T và bà H có hiệu lực. Buộc bà H và người thừa kế của ông Nguyễn Văn T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ chuyển nhượng cho bà K 3000m² tại tổ 5, ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Ngày 19/4/2021 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hạnh là ông Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chia diện tích đất 13.428 m² và tài sản gắn liền với đất nêu trên theo tỷ lệ chia cho ông Nguyễn Văn T 70% và bà Huỳnh Thị Ngọc H 30%; Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia 70% di sản của ông Nguyễn Văn T để lại cho các đồng thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện ủy quyền của bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và bổ sung thêm yêu cầu kháng cáo đề nghị HĐXX xem xét giải quyết cụ thể như sau:

Chia lại vị trí 03 phần đất thừa kế của bà H, cháu Đ, cháu Ch tại vị trí liền kề phần đất nằm ngoài giáp với đường ĐT 752B để đảm bảo việc quản lý, sử dụng đất của 03 mẹ con T tiện và lợi ích tốt nhất cho các cháu;

Tuyên không thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 389917 được cấp cho bà Huỳnh Thị Ngọc H.

Người bảo vệ, quyền lợi ích hợp pháp đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc phân chia di sản của ông Nguyễn Văn T.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

- Chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị K.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của BLTTDS chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà H về phần hoán đổi vị trí thửa đất cho các đồng thừa kế; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H về phần hoán đổi vị trí thửa đất cho các đồng thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T; bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H, đồng thời bà H cũng là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thành Đ và cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K thực hiện trong thời hạn luật định; Đơn kháng cáo có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của BLTTDS, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc T về việc chia diện tích đất 13.428m² và tài sản gắn liền với đất theo tỷ lệ chia cho ông Nguyễn Văn T 70% và bà Huỳnh Thị Ngọc H 30%; Yêu cầu chia 70% di sản của ông Nguyễn Văn T để lại cho đồng thừa kế, HĐXX thấy rằng:

Như Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích và nhận định, mặc dù nguồn gốc thửa đất ban đầu là được cấp cho cá nhân ông T và bà H (sinh năm 1982), nhưng chỉ là đất trống, sau đó ông T kết hôn với bà H, ông T và bà H cả H cùng nhau duy trì, phát triển thêm nhiều tài sản có giá trị gắn liền trên đất, làm tăng giá trị tài sản. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1982) là cá nhân cùng ông T được Nhà nước giao đất nhưng bà H (sinh năm 1982) không sử dụng mà để bà H cùng ông T quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài từ khi được giao đất, bà H (sinh năm 1982) thừa nhận trong quá trình sử dụng đất, bà H biết bà H đã cùng ông T trồng cây cao su, xây dựng nhà tình thương ở ổn định, đăng ký kê khai và đã được Nhà nước cấp giấy CNQSDĐ mà bà H là người được giao đất không có ý kiến gì. Vì vậy cần xác định cả ông T, bà H đều có công sức đóng góp ngang nhau và ông T, bà H mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản do ông T để lại là ½ thửa đất 13.428m² cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất và chia di sản của

người chết để lại thành các kỷ phần bằng nhau là có căn cứ. Do đó kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc chia diện tích đất 13.428m² và tài sản gắn liền với đất theo tỷ lệ chia cho ông Nguyễn Văn T 70% và bà Huỳnh Thị Ngọc H 30%; Yêu cầu chia 70% di sản của ông Nguyễn Văn T để lại cho đồng thừa kế là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thành Đ và cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch, HĐXX thấy rằng:

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định người được hưởng di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T cụ thể như sau: Ngày 01/11/2016 ông Nguyễn Văn T chết (Ngày mở thừa kế) hàng thừa kế thứ nhất của ông T tại thời điểm ông T chết gồm có: Mẹ của ông T là cụ Đỗ Thị L (Cụ L chết năm 2019), vợ hợp pháp của ông T là bà Huỳnh Thị Ngọc H và 02 con của ông T và bà H là Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Thị Ngọc Ch.

Đối với bà Nguyễn Thị Tuyết H (Sinh năm 1982) có giấy khai sinh (Bút lục 100) tại mục: Người mẹ ghi: Nguyễn Thị Thủy; tại mục Người cha ghi: Nguyễn Văn T, sinh năm 1954, nhưng tại Biên bản xác minh ngày 17/11/2020 (Bút lục 410), Công an xã C, huyện M, tỉnh B là nguyên quán của ông Nguyễn Văn T đã xác nhận: “Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1954 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 là một người”. Hơn nữa, tại Bản án số 39/DS-ST ngày 26/4/1995 của Tòa án nhân dân huyện M (Nay là huyện M), tỉnh B (Bút lục 405) đã xác định ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thủy là vợ chồng đã thuận tình ly hôn, có 02 con chung là ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1982). Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, có căn cứ xác định: Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1982) đều là con ruột của ông Nguyễn Văn T nên được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) có giấy khai sinh (Bút lục 111); Bà Nguyễn Thị Hồng P có giấy khai sinh (Bút lục 110) tại mục Người mẹ ghi: Trương Thị Bé T; mục Người cha ghi: Nguyễn Thành T, sinh năm 1954, nhưng tại Biên bản xác minh ngày 17/11/2020 (Bút lục 410), Công an xã C, huyện M, tỉnh B là nguyên quán của ông Nguyễn Văn T đã xác nhận: “Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1954 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 là một người”. Mặt khác, Bản án số 39/DS-ST ngày 26/4/1995 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày, tỉnh B (Bút lục 405) đã xác định bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1982 là con của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T, bà H (sinh năm 1982) đã cung cấp mẫu gen cho Viện sinh học phân tử Loci xét nghiệm, tại Kết quả xét nghiệm ADN của Viện sinh học phân tử Loci (Bút lục 299, 304) kết luận: Bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) và bà Nguyễn Thị Hồng P với bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1982) có cùng nhiễm sắc thể X (Cùng cha). Do đó, chị H (sinh năm 1990) và bà P là con của ông Nguyễn Văn T nên được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Thái Thị Tr, không có giấy khai sinh, nhưng cũng được bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1982) cung cấp mẫu gen cho Viện sinh học phân tử Loci để tiến hành xét nghiệm, tại Kết quả xét nghiệm ADN của Viện sinh học

phân tử Loci (Bút lục 284), kết luận: Bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1982) với bà Thái Thị Tr có cùng nhiễm sắc thể X (Cùng cha). Do đó, bà Tr là con của ông Nguyễn Văn T nên được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị U là chị em ruột của ông T đều thừa nhận bà H (sinh năm 1990), bà Tr, bà Phúc, ông T, bà H (sinh năm 1982), cháu Đ, cháu Ch là con của ông Nguyễn Văn T và đề nghị chia thừa kế cho các cháu theo quy định của pháp luật. Quá trình xét xử phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn không có ý kiến gì về việc xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Tích.

Như vậy, Tòa cấp sơ thẩm đã xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm: Cụ Đỗ Thị L, bà Huỳnh Thị Ngọc H, chị Thái Thị Tr, chị Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1982), bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990), ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Hồng P, cháu Nguyễn Thành Đ, cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch đề chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T cho những người trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật:

Do đó kháng cáo của bị đơn về yêu cầu giám định AND với nguyên đơn và những người liên quan để xác định những người được hưởng di sản thừa kế của ông T không được HĐXX chấp nhận.

[3.2] Tại phiên Tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bà H và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H cho rằng việc UBND huyện H cấp giấy CNQSD đất cho cá nhân ông Tích, bà H mà không cấp cho hộ gia đình ông Tích, bà H là sai quy định và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Đ, cháu Ch. Quá trình xét xử phúc thẩm bà H cung cấp cho Tòa quyết định giải quyết khiếu nại số: 5753/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện H kết luận việc cấp giấy CNQSD đất trên không ghi cấp cho hộ gia đình ông Tích, bà H là có phần không đúng về chủ sử dụng đất. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xác định di sản của ông T để lại là $\frac{1}{4}$ khối tài sản chung của hộ gia đình sau khi đã trừ đi diện tích chuyển nhượng cho bà K, bà D và ông Lân, bà Diễm. Tuy nhiên xét về nguồn gốc thì thửa đất trên là của dự án Nông trường 425 nay thuộc ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước được Nhà nước giao cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1982) vào năm 2002 theo diện di dân vào vùng dự án là trước thời điểm cháu Đ, cháu Ch được sinh ra, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 2016) cháu Đ mới 09 tuổi, cháu Ch mới 01 tuổi. Đối với tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất được hình thành từ năm 2008 đến năm 2010 khi đó cháu Đ còn nhỏ, cháu Ch chưa sinh và tại phiên tòa phúc thẩm bà H cũng khẳng định cháu Đ, cháu Ch cũng không có công sức đóng góp gì trong việc hình thành tài sản trên đất. Nên việc cấp GCNQSD đất cho ông Tích, bà H hay cấp cho hộ ông Tích, bà H cũng không xâm phạm đến quyền và lợi ích của cháu Đ, cháu Ch. Vì vậy Tòa cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của ông T $\frac{1}{2}$ trong khối tài sản chung là có căn cứ. Do đó yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Đ, cháu Ch về phần này không được HĐXX chấp nhận.

Tại phiên tòa Đại diện ủy quyền của bà H và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H cho rằng cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi

kiện, yêu cầu độc lập của các đương sự, vì nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ yêu cầu Tòa chia di sản thừa kế theo hiện vật là $\frac{1}{2}$ diện tích đất 13.428m² và tài sản trên đất. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm không chia theo hiện vật mà dựa trên giá trị quyền sử dụng đất để xác định di sản thừa kế của ông T là 7.926,7m² đất tức là diện tích Tòa chia di sản của ông T lớn hơn diện tích nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu. Xét thấy việc Tòa cấp sơ thẩm căn cứ vào giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để xác định phần diện tích di sản thừa kế của ông T là phù hợp không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Điều 5 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà H về việc chia lại vị trí 03 phần đất thừa kế của bà H, cháu Đ, cháu Ch tại vị trí liền kề phần đất nằm ngoài giáp với đường ĐT 752B để đảm bảo việc quản lý, sử dụng đất của 03 mẹ con T tiện và lợi ích tốt nhất cho các cháu, HĐXX thấy rằng: Để T tiện cho việc canh tác, quản lý và sử dụng đất của bà H, cháu Đ, cháu Ch cũng như thực tế bà H và cháu Đ, cháu Ch đang sinh sống trực tiếp trên phần đất còn lại tại thửa đất đang tranh chấp, cháu Đ, cháu Ch còn nhỏ phải sống phụ thuộc vào mẹ nên cần phân chia vị trí các phần đất thừa kế cho 03 mẹ con liền kề nhau và liền với thửa đất của bà H là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của bà H về phần này là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

[3.4] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà H về việc yêu cầu tuyên Văn bản khai nhận di sản thừa kế tại Văn phòng Công chứng H vô hiệu, HĐXX thấy rằng: Việc khai nhận di sản thừa kế nêu trên của bà H và các con của bà H mặc dù được Văn phòng Công chứng thực hiện đã niêm yết, đúng thủ tục và đã được cấp giấy CNQSD đất cho bà H. Tuy nhiên tại thời điểm khai nhận di sản thừa kế cụ Đỗ Thị L (là mẹ ruột của ông Tích) còn sống nhưng bà H không trình bày để Văn phòng Công chứng đưa vào để cùng khai nhận di sản thừa kế của ông Tích. Mặt khác hiện nay còn xác định ngoài mẹ con bà H, cụ L còn có một số đồng thừa kế khác. Nên việc KH nhận di sản thừa kế của bà H và các con là trái với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác. Do đó Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế của bà H và các con vô hiệu là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3.5] Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa tuyên không thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 389917 cấp cho bà Huỳnh Thị Ngọc H. Hội đồng xét xử thấy rằng: Do việc khai nhận di sản thừa kế của bà H và các con là trái với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác nên Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế của bà H và các con vô hiệu. Vì vậy Tòa cấp sơ thẩm kiến nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 389917 cấp cho bà Huỳnh Thị Ngọc H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà H về việc chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị K và yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K về việc đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị K, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/8/2011 giữa bà K với ông T và bà H có hiệu lực. Buộc bà H và người thừa kế

của ông Nguyễn Văn T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ chuyển nhượng cho bà K diện tích đất 3000m² tại tổ 5, ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước.

HĐXX thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà K và người đại diện theo ủy quyền của bà K là ông H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Quá trình giải quyết vụ án bà K cũng không cung cấp được các tài liệu liên quan đến việc chuyển nhượng QSDĐ giữa bà H, ông T và bà K, mặc dù được bà H và bà K thừa nhận, nhưng bà K cũng không đưa ra được Hợp đồng chuyển nhượng có chữ ký của ông Nguyễn Văn T, không được các đồng thừa kế khác thừa nhận. Mặt khác, bà H có quan hệ với ông Huỳnh Văn H (chồng của bà K) là chị em ruột nên việc bà H và bà K xác nhận hợp đồng chuyển nhượng có ông T ký là không đảm bảo tính vô tư, khách quan. Bà K cho rằng hợp đồng mua bán có chữ ký của ông T đã bị kẻ gian đột nhập vào nhà lấy mất, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình; Đồng thời bà H và bà K cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ thể hiện ông T và bà H đã nhận số tiền 135.000.000 đồng của bà K. Ngoài ra, bà H và bà K xác định năm 2011 sau khi lập hợp đồng mua bán có bà H và ông T ký tên, bà H, ông T đã giao đất cho bà K và bà K đã nhận đất sử dụng từ đó đến nay, lời trình bày này của bà K và bà H là mâu thuẫn với lời trình bày của bà H và bà K tại Biên bản hòa giải ngày 11/12/2020 (Bút lục số 566, 567), trình bày như sau: “Bà H chưa làm thủ tục giao đất” cho bà K, nên không có căn cứ chấp nhận. Như vậy, có căn cứ để xác định hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ nêu trên là giả tạo, nên bị vô hiệu. Do đó yêu cầu kháng cáo của bà H và bà Phạm Thị K không được HĐXX chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu định giá lại của bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H: Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm bà H có yêu cầu định giá lại tài sản. Ngày 21/01/2022 Hội đồng định giá tài sản tiến hành định giá theo yêu cầu của bà H. Tuy nhiên, ngày 15/02/2022 Tòa án nhận được đơn đề nghị xem xét áp dụng biên bản định giá tài sản của người đại diện theo ủy quyền của bà H. Theo đó đại diện theo ủy quyền của bà H đề nghị Tòa án áp dụng biên bản định giá tài sản ngày 21/5/2020 trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời bà H tự nguyện chịu chi phí định giá tại cấp phúc thẩm. Do đó HĐXX căn cứ vào biên bản định giá tài sản ngày 21/5/2020 để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc T; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thành Đ và cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước về phân hoán đổi vị trí thửa đất cho các đồng thừa kế.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Do HĐXX chỉ sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về phân hoán đổi vị trí các thửa đất thừa kế nên không làm thay đổi án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác. Do đó án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác vẫn giữ nguyên theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

Đối với chi phí định giá tại cấp phúc thẩm: Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H tự nguyện chịu và không có ý kiến hay yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc T không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Do kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thành Đ và cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch được chấp nhận nên không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Do kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc T;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thành Đ và cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước về phần chia lại vị trí các phần thừa kế.

Áp dụng các Điều 170; 185; 190; 674; 675; 683 và khoản 2 Điều 685 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 127; 128; 129; 137 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 122; 124; 129; 407; 500; 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) đối với chia thừa kế diện tích 1000,6m² đất, tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước do ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đắc K. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu nêu trên. Bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) về yêu cầu chia thừa kế diện tích 500m² đất do ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H đã chuyển nhượng cho

ông Nguyễn Kim Bảo L, bà Nguyễn Thị Kiều D. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu nêu trên. Bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K rút một phần yêu cầu độc lập đối với diện tích 100m² trên đất có căn nhà tình thương của ông Nguyễn Văn T (Trong diện tích đất 3.000m² mà bà K cho rằng nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H). Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu độc lập đã rút nêu trên. Bà Phạm Thị K có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K về việc buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và không chấp nhận yêu cầu độc lập bà Phạm Thị K về đề nghị công nhận diện tích đất 2.900m², tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Phạm Thị K.

- Chấp nhận việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đắc K rút toàn bộ yêu cầu độc lập về đề nghị công nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ (Giấy tay) ngày 13/7/2010 giữa ông Nguyễn Đắc K và ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H với diện tích đất 1000,6m², tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập đã rút nêu trên. Ông Nguyễn Đắc K có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H rút toàn bộ yêu cầu độc lập về đề nghị Tòa án buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công nhận diện tích đất 500m² (Do ông H nhận chuyển nhượng lại của bà Nguyễn Thị Kiều D) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông H. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập đã rút nêu trên. Ông Huỳnh Văn H có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) về chia di sản thừa kế; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) về yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) về yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

- + Tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 0094, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/01/2018 của Văn phòng Công chứng H công chứng, do bà Huỳnh Thị Ngọc H khai nhận đối với di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T vô hiệu.

- + Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ (“Bản cam kết” ngày 23/10/2017) do bà Huỳnh Thị Ngọc H đã ký với bà Phạm Thị K để chuyển nhượng diện tích đất 3.000m², tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước vô hiệu.

- + Hậu quả của 02 giao dịch trên vô hiệu do các đương sự chưa có yêu cầu giải quyết nên không xem xét, khi nào đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

* Bà Huỳnh Thị Ngọc H được quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 5501,7m² tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước và tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà cấp 04, 01 giếng, cây (151 cao su, 01 dừa, 89 mít). Tổng giá trị tài của bà Huỳnh Thị Ngọc H là 6.703.092.000 đồng.

* Di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T là: 7926,7m², tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước và tài sản trên đất gồm: 261 cây cao su, 123 cây mít. Tổng giá trị di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T là: 6.632.184.000 đồng.

- Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T như sau:

1. Chia cho bà Thái Thị Tr diện tích đất: 881,4m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 1 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 2, phía tây giáp với đất bà Bùi Thị Bơ, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (Nay là đường bê tông), trên đất có 31 cây cao su, 11 cây mít. Có tổng trị giá là: 736.066.000 đồng.

2. Chia cho bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) diện tích đất: 880,3m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 2 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 3, phía tây giáp với thửa đất có số giả định 1, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (Nay là đường bê tông), trên đất có 31 cây cao su, 12 cây mít. Có tổng trị giá là: 735.736.000 đồng.

3. Chia cho bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1982) diện tích đất: 880,5m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 3 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 4, phía tây giáp với thửa đất có số giả định 2, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (Nay là đường bê tông), trên đất có 25 cây cao su, 15 cây mít. Có tổng trị giá là: 737.323.000 đồng.

4. Chia cho cụ Đỗ Thị L diện tích đất: 880,7m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại: Ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 4 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 5, phía tây giáp với thửa đất có số giả định 3, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (nay là đường bê tông), trên đất có 30 cây cao su, 15 cây mít. Có tổng trị giá là: 737.232.000 đồng. Giao cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị U quản lý và sử dụng kỹ phần thừa kế nêu trên của cụ L.

5. Chia cho ông Nguyễn Văn Th diện tích đất: 881,0m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 5 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 6, phía tây giáp với thửa đất có số giả định 4, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với

đường đất (Nay là đường bê tông), trên đất có 31 cây cao su, 13 cây mít. Có tổng trị giá là: 736.066.000 đồng.

6. Chia cho bà Nguyễn Thị Hồng P diện tích đất: 881,2m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại: Ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 6 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 7, phía tây giáp với thửa đất có số giả định 5, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (nay là đường bê tông), trên đất có 28 cây cao su, 15 cây mít. Có tổng trị giá là: 737.650.000 đồng.

7. Chia cho cháu Nguyễn Thị Ngọc Ch diện tích đất: 881,4m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 7 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 8, phía tây giáp với thửa đất có số giả định 6, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (Nay là đường bê tông), trên đất có 28 cây cao su, 14 cây mít. Có tổng trị giá là: 737.012.000 đồng.

8. Chia cho cháu Nguyễn Thành Đ diện tích đất: 880,7m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 8 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 9, phía tây giáp với thửa đất có số giả định 7, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (Nay là đường bê tông), trên đất có 30 cây cao su, 15 cây mít. Có tổng trị giá là: 736.066.000 đồng.

Do cháu Đ và cháu Ch là trẻ em nên tạm thời giao 02 kỷ phần thừa kế nêu trên của cháu Đ, cháu Ch cho bà Huỳnh Thị Ngọc H (là mẹ ruột) quản lý và sử dụng cho đến khi cháu Đ, cháu Ch đủ 18 tuổi.

9. Chia cho bà Huỳnh Thị Ngọc H diện tích đất: 879,5m² (Trong đó có 5,5m² đất ở nông thôn), tọa lạc tại ấp T, xã Tân H, huyện H, tỉnh Bình Phước, thửa đất có số giả định số 9 (Theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế), có tứ cận: Phía đông giáp với thửa đất có số giả định 10, phía tây giáp với thửa đất có số giả định 8, phía nam giáp với đất ông Võ Văn Bé Bảy, phía bắc giáp với đường đất (Nay là đường bê tông), trên đất có 30 cây cao su, 14 cây mít. Có tổng trị giá là: 737.232.000 đồng.

10. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H phải giao: Thửa đất có số giả định là 1 cho bà Thái Thị Tr; Thửa đất có số giả định là 2 cho bà Nguyễn Thị Tuyết H (1990); Thửa đất có số giả định là 3 cho bà Nguyễn Thị Tuyết H (1982); Thửa đất có số giả định là 5 cho ông Nguyễn Văn Th; Thửa đất có số giả định là 6 cho bà Nguyễn Thị Hồng P; Thửa đất có số giả định 4 cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị U theo Bản đồ đo đạc phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T ngày 20/7/2020 của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ Tấn Thành (Như phần di sản mà các đồng thừa kế được chia nêu trên)

11. Bà Huỳnh Thị Ngọc H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị K số tiền 1.111.000đ (Bằng chữ: Một triệu một trăm mười một nghìn đồng).

- Do bà Huỳnh Thị Ngọc H là người quản lý, sử dụng 02 kỹ phần thừa kế của cháu Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Thị Ngọc Ch nên bà H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị K số tiền 2.222.000 đ (Bằng chữ: H triệu H trăm H mươi H nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị K số tiền 1.111.000đ (Bằng chữ: Một triệu một trăm mười một nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1982) có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị K số tiền 1.111.000đ (Bằng chữ: Một triệu một trăm mười một nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Hồng P có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị K số tiền 1.111.000đ (Bằng chữ: Một triệu, một trăm mười một nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị K số tiền 1.111.000đ (Bằng chữ: Một triệu một trăm mười một nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị U có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị K số tiền 1.111.000đ (Bằng chữ: Một triệu một trăm mười một nghìn đồng).

- Bà Thái Thị Tr có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị K số tiền 1.111.000đ (Bằng chữ: Một triệu một trăm mười một nghìn đồng).

Kiến nghị UBND tỉnh Bình Phước thu hồi giấy CNQSD đất số: 389917; số vào sổ cấp giấy CNQSD đất: CS 00342 ngày 18/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Huỳnh Thị Ngọc H để cấp lại giấy CNQSD đất cho các đương sự được chia QSDĐ nêu trên theo quy định của luật đất đai.

12. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Theo quyết định tại Bản án sơ thẩm.

13. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H (sinh năm 1990) phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 023609 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 023605 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 023606 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

14. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Ninh